

Số: /BC-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019
của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao
thông đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung tại
Nghị định số 123/2021/NĐ-CP)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Xây dựng đã tiến hành tổng kết việc thi hành quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2019/NĐ-CP) phần đường sắt. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1.1. Bối cảnh trong nước**

Việc tổng kết thi hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP được thực hiện trong bối cảnh: Đảng và Nhà nước đã ban hành và chỉ đạo tập trung thực hiện các chính sách mới về phân cấp, phân quyền, cải cách tư pháp, cải cách thể chế, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ... nhằm khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho sự phát triển bứt phá, tăng tốc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Hơn nữa việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức địa phương 02 cấp đang được Chính phủ đẩy mạnh thông qua hàng loạt hoạt động về rà soát, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện các chính sách mới về phân cấp, phân quyền, cải cách tư pháp, cải cách thể chế, cải cách bộ máy hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ Nhân dân; thực hiện việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ... nhằm khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho sự phát triển.

- Ngày 30/12/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 100/2019/NĐ-CP. Nghị định đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định của Luật Đường sắt 2017, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 và các văn bản (mới) hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công

tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục triệt để những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 46/2016/NĐ-CP. Nghị định quy định chế tài xử phạt (mức tiền xử phạt, hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả) tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, bảo đảm tính răn đe và khả thi khi thực hiện. Đặc biệt, tăng nặng mức phạt đối với nhóm hành vi vi phạm có nguy cơ cao gây mất an toàn giao thông như: Vi phạm về nồng độ cồn hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. Đồng thời, có xét đến tính khả thi khi thực hiện như:

+ Thâm quyền xử phạt của các chức danh trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; tính chất quản lý, khai thác của lĩnh vực đường bộ và đường sắt; thu nhập bình quân và khả năng chi trả của người dân khi bị xử phạt.

+ Bổ sung quy định rõ đối tượng là tổ chức bị xử phạt.

+ Bổ sung quy định rõ đối tượng hộ kinh doanh, hộ gia đình, tổ hợp tác thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra nhiệm vụ *“tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững”*. Đồng thời, để tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 24/01/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII đã có Kết luận số 121-KL/TW về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp như: *“rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển”* và *“ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động để cải cách tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị”*. Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện Kết luận số 121-KL/TW, các cấp có thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo¹, trong đó, tại Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và Kết luận số 134-KL/TW về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã yêu cầu: *“rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, ... các luật liên quan... sau sắp xếp tổ chức bộ máy ở địa phương, báo cáo Bộ Chính trị theo tiến độ chung và*

¹ (i) Ngày 14/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có Kết luận số 131-KL/TW cho ý kiến về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

(ii) Ngày 28/3/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có Kết luận số 137-KL/TW cho ý kiến cụ thể định hướng chủ trương trong việc sắp xếp lại chính quyền cấp tỉnh, tổ chức lại chính quyền cấp xã, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp.

hoàn thành sửa đổi, bổ sung pháp luật chậm nhất 30/6/2025” và “đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống cơ quan thanh tra theo 2 cấp ở Trung ương và địa phương”, giao “Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Thanh tra Chính phủ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, hoàn thiện các luật, quy định liên quan bảo đảm chức năng xử phạt vi phạm hành chính được quy định, thực hiện hiệu lực, hiệu quả”.

Các chủ trương, định hướng của Đảng cho thấy, việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách hàng đầu của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của nhiều cơ quan trong bộ máy nhà nước có sự thay đổi, sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp với yêu cầu mới. Để thực hiện các chủ trương, định hướng nêu trên của Đảng, đòi hỏi phải khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó, đặc biệt là các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh; thẩm quyền quyết định cưỡng chế; thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính; thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính.

- Ngày 27/6/2025, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Đường sắt số 95/2025/QH15. Theo đó, Luật quy định các nội dung bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt trong vận tải hàng hóa, hành khách trên đường sắt, phân công quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông đường sắt. Bên cạnh đó, Luật Đường sắt 2025 đã tạo nên khung pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế, tạo cơ chế để huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm tạo đột phá trong đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt hiện đại, đồng bộ, đặc biệt là đường sắt tốc độ cao; coi trọng khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng hiện có, kết hợp đầu tư mới để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực; nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn vận tải đường sắt. Những quy định mới, mang tính “đột phá” cho đầu tư phát triển đường sắt, trong đó đẩy mạnh phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng và từ Chính phủ, Bộ cho chính quyền địa phương theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong đầu tư phát triển hệ thống đường sắt, đặc biệt là đường sắt địa phương.

Bên cạnh đó, triển khai Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Luật Đường bộ, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2025 quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe và Chính phủ cũng đã giao Bộ Xây dựng xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường bộ² thay thế một phần Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

² Văn bản số 1285/VPCP-CN ngày 17/02/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng dự thảo Nghị định trình Chính phủ trong năm 2025

1.2. Bối cảnh quốc tế

Thế giới đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trong lĩnh vực giao thông như: thanh toán điện tử; ứng dụng hệ thống quản lý giao thông thông minh để tối ưu hóa hiệu suất quản lý. Do vậy, tùy vào điều kiện kinh tế mỗi quốc gia cũng thực hiện xử phạt vi phạm hành chính khác nhau. cụ thể:

- Trung Quốc: hình phạt do vi phạm giao thông phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi. Chính phủ Trung Quốc thực thi luật giao thông nghiêm ngặt và hình phạt dao động từ phạt tiền, trừ điểm trên bằng lái xe đến phạt tù.

Các hình thức xử phạt khác như: người vi phạm công khai xin lỗi về sai lầm; công khai những tài xế vi phạm luật giao thông, cũng như hình ảnh họ vi phạm; phải biểu diễn một điệu nhảy ở nơi công cộng như một phần của hình phạt;

- Mỹ: Mỗi bang có những hình phạt khác nhau. Vi phạm luật giao thông thường dẫn tới tài xế phải nộp phạt, trừ điểm trên bằng lái, hoặc thậm chí là phạt tù, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Các hình thức xử phạt khác: sử dụng phương tiện truyền thông xã hội để công khai những tài xế đã vi phạm luật giao thông; người vi phạm lắng nghe nạn nhân của hành vi vi phạm giao thông kể lại hậu quả đã xảy ra với họ từ sai lầm của người khác; người vi phạm giao thông được yêu cầu hoàn thành dịch vụ cộng đồng, ví dụ như tham gia các chiến dịch tuyên truyền về an toàn giao thông tại địa phương, như phát tờ rơi về an toàn cho người đi bộ, thậm chí giúp tuần tra giao thông trong giờ cao điểm; người vi phạm lại tái phạm hoặc những vi phạm nghiêm trọng có thể phải dán một miếng dán lớn trên xe của họ để thông báo về việc họ đã mắc sai lầm.

- Phần Lan: có một hình phạt được gọi là tiền phạt dựa trên thu nhập. Hệ thống này liên kết số tiền phạt trực tiếp với thu nhập của người vi phạm, đảm bảo rằng hình phạt này công bằng giữa các nhóm kinh tế xã hội khác nhau. Công thức tính sẽ là xác định thu nhập khả dụng hàng ngày của người vi phạm và sau đó nhân với mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm.

Khoản thu nhập nói trên sẽ được trừ đi bảo hiểm xã hội, thuế, và người phụ thuộc, rồi mới đem tính thu nhập hàng ngày. Vì vậy, người càng có thu nhập cao bị vi phạm thì mức phạt sẽ càng cao.

Đặc biệt với các vi phạm ở mức độ nghiêm trọng cao hơn, sẽ có hệ số nhân được áp dụng tăng lên. Hình phạt ở nước này được đánh giá cao vì tính công bằng dựa trên thu nhập nhưng cũng bị chỉ trích vì có thể quá khắc nghiệt đối với những người có thu nhập cao.

- Ở Na Uy, tiền phạt vi phạm giao thông có thể rất cao, đặc biệt là đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng như chạy quá tốc độ hoặc lái xe khi say rượu. Những khoản tiền phạt này thường tỷ lệ thuận với thu nhập của người vi phạm. Ví dụ, những cá nhân giàu có có thể phải đối mặt với khoản tiền phạt lên tới hàng chục nghìn USD.

Trước bối cảnh trong nước và quốc tế, Nghị định về xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực đường sắt cần thiết phải được sửa đổi đặc biệt về nâng mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến hoạt động đường sắt và hoạt động kinh tế xã hội.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đã phối hợp với Bộ Công an, các Bộ ngành, địa phương thực hiện việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP nhằm đánh giá công tác triển khai thi hành Nghị định, thực tiễn áp dụng Nghị định, thông qua kết quả của công tác xử phạt vi phạm hành chính để đánh giá hiệu quả của công tác này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Nghị định

1.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được ban hành ngày 30/12/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020. Ngay sau khi Nghị định được ban hành, các Bộ, ngành, địa phương đã chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt, cụ thể:

a) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ đều đưa nội dung chỉ đạo về tăng cường thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong đó có yêu cầu các lực lượng chức năng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm hành chính nhằm kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên cả hai lĩnh vực đường bộ và đường sắt.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, công điện chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, cụ thể như: Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 19/4/2023 về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt trong tình hình mới; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 về tăng cường công tác trật tự an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới; Nghị quyết số 48/NQ-CP về tăng cường công tác trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 149/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác trật tự an toàn giao thông trong tình hình mới;...

b) Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng đã phối hợp các cơ quan chức năng địa phương đã thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong công tác xử lý vi phạm hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giao thông đường sắt, góp phần tích cực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt. Nhìn chung, quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP cho thấy hoạt động thực thi đã được tiến hành một cách nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý

nhà nước về lĩnh vực giao thông đường sắt.

Việc Nghị định quy định nâng cao mức xử phạt vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm đã tạo ra sự răn đe đối với người tham gia giao thông và các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt, từng bước giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí gồm: số vụ số người chết, số người bị thương (chi tiết bảng số liệu sau):

Thống kê tình hình tai nạn giao thông đường sắt từ 2020 đến 2025

Năm	Số vụ		Số người chết		Số người bị thương	
	Tổng số	So với năm trước	Tổng số	So với năm trước	Tổng số	So với năm trước
2019	257	-20	112	-13	142	+13
2020	167	-90	80	-35	95	-49
2021	140	-27	70	-10	71	-24
2022	213	+73	83	+13	130	+59
2023	203	-10	85	+2	124	-6
2024	184	-19	74	-11	103	-21
9 tháng 2025	112	-29	47	-08	71	-12

c) Bộ Công an

- Đảng ủy Công an Trung ương tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư, đồng thời ban hành Kế hoạch số 122-KH/ĐUCA ngày 09/6/2022 về tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông”*; ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 25/5/2023 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới thay thế Chỉ thị số 18-CT/TW.

d) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương đã có nhiều văn bản triển khai, chỉ đạo các lực lượng liên quan (cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông) xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định, chỉ đạo các cấp, ngành phối hợp thực hiện, tuyên truyền sâu rộng Nghị định đến các tầng lớp nhân dân. Trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Xây dựng, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) đã tổ chức tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng công an và thanh tra viên nắm vững và thực hiện đúng quy định xử phạt vi phạm hành chính. Các đơn vị đã xây dựng kế hoạch xử lý vi phạm hành chính theo chuyên đề phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương và thẩm

quyền được giao.

Các Bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp đã chỉ đạo sát sao, tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt của người dân.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định

- Các Bộ, ngành, địa phương đã kịp thời cập nhật toàn văn Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử, Trang Thông tin điện tử; tuyên truyền, phổ biến tại các cuộc họp giao ban, các đợt ra quân cao điểm trong năm, dịp lễ, tết, các kỳ thi quốc gia; tổ chức các hội nghị tập huấn; phát tài liệu, tờ rơi, áp phích; thực hiện lồng ghép tuyên truyền, phổ biến trong quá trình thực thi nhiệm vụ, hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính; tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và đường sắt tại các xã, phường, trường học, doanh nghiệp... Trong đó, chú trọng việc tuyên truyền, phổ biến những điểm mới của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP như:

+ Các hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định về tín hiệu, quy tắc giao thông đường sắt và bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường sắt: điều chỉnh tăng mức xử phạt đối với 11 hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt.

+ Các hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng đường sắt: điều chỉnh tăng mức xử phạt đối với 02 hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt.

+ Các hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định đối với nhân viên đường sắt: điều chỉnh tăng mức xử phạt đối với 12 hành vi, nhóm hành vi vi phạm quy định về nồng độ cồn, sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng, vi phạm quy định khác về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt.

- Chủ động cung cấp thông tin, nội dung chỉ đạo, điều hành và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương: VTV, VOV, VTC, ANTV, Báo Giao thông vận tải (Báo Xây dựng), Báo Công an nhân dân, Ban An toàn giao thông, các hiệp hội nghề nghiệp, ... tích cực tuyên truyền hoạt động kiểm soát tải trọng xe (gồm cả đường bộ và đường sắt) với nhiều nội dung và hình thức phong phú. Cơ quan báo, đài của một số địa phương có chuyên mục về chuyên đề này; tham gia các chương trình đối thoại chính sách, các buổi tọa đàm, giao lưu trực tuyến do VTV, VOV, Báo Bộ Xây dựng tổ chức; đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp vận tải, chủ hàng, hiệp hội nghề nghiệp để tháo gỡ những khó khăn, đồng thời quán triệt chủ trương của Chính phủ, Kế hoạch 12885/KH-BGTVT ngày 01/11/2016 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát tải trọng phương tiện.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan báo chí tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP; tuyên truyền, phản ánh về tác hại của

rượu, bia đối với người tham gia giao thông, tình hình tai nạn giao thông, hoạt động của các loại tội phạm trên các tuyến giao thông; thực hiện các đợt cao điểm bảo đảm trật tự an toàn giao thông, thực hiện tổng kiểm soát phương tiện giao thông cơ giới đường sắt, xử phạt vi phạm hành chính các trường hợp vi phạm nồng độ cồn theo Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đối với đội ngũ làm công tác lái phương tiện giao thông đường sắt.... Tăng cường điểm tin, bài về tình hình trật tự an toàn giao thông, hoạt động của lực lượng cảnh sát giao thông, đặc biệt là tuyên truyền, tạo hiệu ứng dư luận, tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân về các chế tài xử phạt quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

Có thể khẳng định, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông nói chung và về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt đã được tăng cường cả về chiều sâu và bề rộng; do đó, ý thức của Nhân dân nói chung và của người tham gia giao thông nói riêng đã có nhiều chuyển biến, các vi phạm pháp luật trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt được kiểm soát tốt. Các tầng lớp nhân dân ngày càng quan tâm đến tình hình trật tự an toàn giao thông, tham gia tích cực vào các hoạt động giữ gìn trật tự an toàn giao thông nói chung và an toàn giao thông đường sắt, phòng ngừa ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông.

2. Kết quả thi hành Nghị định

Cùng với việc tích cực tuyên truyền, phổ biến, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, các lực lượng chức năng đã tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định, cụ thể:

2.1. Bộ Xây dựng

Số liệu xử phạt VPHC trong lĩnh vực giao thông đường sắt từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 30/9/2025:

Triển khai thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP của chính phủ đến nay, các cơ quan chức năng có thẩm quyền (*Cục trưởng, Trưởng đoàn thanh tra, công chức thanh tra, Công an*) đã ký 807 Quyết định xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi VPHC trong lĩnh vực đường sắt; nộp ngân sách nhà nước 1.113.610.000^d (*Một tỷ một trăm mười ba triệu sáu trăm mười ngàn đồng*).

Trong đó: Ban hành 427 Quyết định xử phạt, nộp ngân sách nhà nước: 839.560.000^d (*Tám trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*).

2.2. Bộ Công an

Công an các đơn vị, địa phương triển khai quyết liệt công tác tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm; tổ chức nhiều đợt cao điểm tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo các chuyên đề trên các tuyến giao thông trọng điểm, địa bàn phức tạp về trật tự an toàn giao thông, trong đó huy động tối đa các lực lượng cảnh sát giao thông phối hợp lực lượng cảnh sát khác, công an xã, tăng cường sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để thực hiện tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông, tập trung vào các hành vi là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao

thông và ùn tắc giao thông, thường xuyên mở các cao điểm xử lý vi phạm theo các chuyên đề về nồng độ cồn, ma túy, quá khổ, quá tải, vi phạm tốc độ...

Từ 01/01/2020 đến 30/9/2025, kết quả kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông của lực lượng công an ban hành 380 Quyết định xử phạt, nộp ngân sách nhà nước: 274.050.000^d (*Hai trăm bảy mươi bốn triệu, năm mươi ngàn đồng*).

2.3. Phân tích cụ thể kết quả, nhóm hành vi vi phạm phải xử lý trong lĩnh vực giao thông ĐS:

Trong tổng số 807 hành vi VPHC trong lĩnh vực giao thông đường sắt thì vi phạm tập trung ở một số nhóm hành vi như sau:

- Vi phạm quy định về tín hiệu, quy tắc giao thông đường sắt và đảm bảo TTATGTĐS: 695/807 trường hợp. Nhóm hành vi này chiếm tỉ lệ 86% trong tổng số các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt. Nguyên nhân chủ yếu do người tham gia giao thông không chấp hành hiệu lệnh của nhân viên gác đường ngang, tín hiệu đường ngang; vẫn còn tình trạng phương tiện giao thông đường bộ vượt qua đường sắt đâm cần, giằng chấn khi chấn đường ngang đã đóng; ô tô cố tình vượt qua lối đi tự mở, nhỏ, đập phá cọc thu hẹp lối đi tự mở để cho phương tiện ô tô đi qua đường sắt; một số tổ chức, cá nhân tự ý xây dựng đường gom trong phạm vi đất dành cho đường sắt...

- Vi phạm quy định đối với nhân viên đường sắt: 13 trường hợp. Nhóm hành vi này ít bị xử lý, do các hành vi vi phạm này diễn ra rất nhanh, có khi chỉ tính bằng giây (*dồn tàu, thao tác đón tàu, báo chấn, kéo còi...*).

- Vi phạm quy định về kết cấu hạ tầng đường sắt: 93 trường hợp. Chủ yếu vi phạm các quy định về hành lang ATGTĐS. Vi phạm này công chức thanh tra chuyên ngành đường sắt không đủ thẩm quyền để xử lý triệt để, mà chỉ có chính quyền địa phương mới đủ thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế, giải tỏa công trình, nhà cửa vi phạm.

- Vi phạm quy định về phương tiện giao thông đường sắt: 06 trường hợp. Nhóm hành vi này ít bị xử lý do chủ sở hữu các phương tiện giao thông đường sắt đa số đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

1.3. Kết quả công tác phối hợp với các đơn vị trong và ngoài lực lượng:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Cục ĐSVN đã chỉ đạo các Phòng, Đội Thanh tra - An toàn khu vực (nay là *Phòng quản lý An toàn đường sắt I, II, III*) thuộc Cục duy trì thường xuyên việc phối hợp với chính quyền các địa phương có đường sắt đi qua, lực lượng công an và các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt VPHC để đảm bảo an toàn, giữ gìn an ninh trật tự về ATGTĐS trên địa bàn.

3. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc

3.1.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định, cụ thể:

a) Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật của lực lượng thanh tra, kiểm tra của Cục ĐSVN:

- Thiếu kinh phí dành cho công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt VPHC .
- Phương tiện ô tô và phương tiện, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng chưa được trang cấp cho các đơn vị thanh tra an toàn (QLAT) thuộc Cục.

Hiện nay, chỉ có 03 đơn vị QLAT ĐS³ được trang cấp 03 xe ô tô chuyên dùng để thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra. Tuy nhiên, các phương tiện trên thường xuyên bị hư hỏng do cũ nát. Trang thiết bị chuyên dùng, thiết bị ghi chứng cứ (máy đo nồng độ cồn, thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe, phương tiện đo tốc độ phương tiện giao thông có ghi hình ảnh, thiết bị ghi âm, ghi hình, thước đo cự ly, thủy bình,...) chưa được trang cấp.

- Trụ sở làm việc của 02 Phòng QLAT ĐS II, III và 10 Đội TT-AT (nay là Văn phòng khu vực) chưa được bố trí riêng, phải mượn của các đơn vị đường sắt.

b) Tổ chức bộ máy, biên chế, nhân lực làm công tác thanh tra:

Hiện nay, biên chế tại các đơn vị thuộc Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra (kiểm tra) chuyên ngành đường sắt còn thiếu so với yêu cầu thực tiễn. Theo thống kê, hiện nay có 59 công chức làm nhiệm vụ QLAT được bố trí tại 04 Phòng và 10 Văn phòng khu vực (*Địa bàn quản lý dọc theo các tuyến đường sắt từ Bắc vào Nam, chạy qua 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nay là 23), với trên 3000 Km đường sắt, bình quân 01 công chức phụ trách khoảng trên 50 km đường sắt*)).

3.1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chưa được tổ chức thường xuyên, liên tục.

3.1.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý VPHC chưa thường xuyên, liên tục.

3.1.4. Về công tác kiểm tra, thanh tra

a) Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật:

Hiện nay thực hiện Luật Thanh tra năm 2025, Cục ĐSVN không phải là cơ quan thanh tra chuyên ngành, mà chỉ được thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kiểm tra xử phạt VPHC của các đơn vị thuộc Cục.

b) Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Nghị định:

Trong thời gian qua, các hành vi VPHC trong lĩnh vực đường sắt xảy ra ngày càng nhiều trên địa bàn 34 tỉnh, thành phố (nay là 23) có đường sắt đi qua với tính chất, mức độ tinh vi và hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn; các tổ chức, cá nhân vi phạm có nhiều thủ đoạn đối phó, chống đối. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đòi hỏi tính kịp thời, chính xác và chất lượng ngày càng cao

³ Phòng QLAT ĐS I, II, III và 10 Văn phòng khu vực.

trong khi đó biên chế công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra còn thiếu. Khối lượng công việc chuyên môn rất lớn, phạm vi rộng, áp lực nhiều nhưng biên chế không tăng dẫn đến quá tải về công việc.

Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra về đường sắt hiện nay còn thiếu các tài liệu hướng dẫn như: Chưa có quy trình, thủ tục kiểm tra do Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) ban hành; biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại nguyên trạng ban đầu do hành vi VPHC gây ra gặp nhiều khó khăn do công chức kiểm tra chuyên ngành không có khả năng cưỡng chế, làm giảm hiệu quả của công tác thi hành xử lý VPHC.

3.2. Nguyên nhân

3.2.1. Nguyên nhân chủ quan:

(1) Kinh phí phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra chưa được bố trí nguồn riêng để thực hiện nhiệm vụ được giao.

(2) Chưa được trang cấp phương tiện ô tô và các trang thiết bị kỹ thuật để phục vụ công tác xử phạt VPHC theo quy định.

3.2.2. Nguyên nhân khách quan:

(1) Ý thức chấp hành văn bản QPPL về đường sắt của người dân chưa cao.

(2) Công tác đảm bảo ATGT đường sắt khó thực hiện triệt để vì địa bàn có các tuyến đường sắt trải dài khoảng trên 3000 km, chạy qua 34 tỉnh, thành phố (nay là 23); đường ngang, lối đi tự mở qua đường sắt nhiều: Tổng số điểm giao cắt hiện có là 4.838 vị trí giao cắt cùng mức giữa đường bộ và đường sắt (trong đó có 3262 lối đi tự mở, 1510 đường ngang).

(3) Công tác phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức thu hẹp lối đi tự mở hiệu quả chưa cao, nhiều lối đi chưa được thu hẹp hoặc thu hẹp rồi nhưng lại bị người dân phá dỡ, dẫn đến xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông đường sắt tại các vị trí này.

- Quá trình triển khai thực hiện cho thấy một số nội dung quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP đã nảy sinh các bất cập sau:

(i) Về biện pháp khắc phục hậu quả: khoản 3 Điều 4 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định 22 biện pháp khắc phục hậu quả, tuy nhiên một số biện pháp khắc phục hậu quả còn chồng lấn về nội hàm và việc sắp xếp chưa khoa học và không phù hợp như buộc phải đưa thi hài, hài cốt, động vật sống, động vật có dịch bệnh, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, xuống tàu (tại ga đến gần nhất trong trường hợp tàu đang chạy), ra ga để xử lý theo quy định. Pháp luật về đường sắt quy định cho phép trở nhưng phải có điều kiện về an toàn cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường

(ii) Quá trình quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình đường sắt cách xác định tên gọi còn chưa đồng bộ với pháp luật về nội dung trong lĩnh vực đường sắt như **“tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt”** hoặc **“doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt”**.

(iii) Một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính mức phạt còn chưa tương xứng với hành vi cũng như khả năng thực hiện của người vi phạm so với điều kiện kinh tế xã hội như hành vi vi phạm về trở số người, hàng hoá vượt quá quy định cho phép, hành vi buôn bán vé giả.

(iv) Khi các văn bản hướng dẫn Luật Đường sắt 2025 được ban hành dự kiến có những nội dung chuyển từ việc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền sang hậu kiểm đối với các trường hợp khi xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt, khai thác tài nguyên trong khu vực lân cận thì chủ đầu tư phải có biện pháp đảm bảo an toàn công trình.

(v) Trong thời gian qua đã có 03 tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa vào vận hành khai thác. Tuy nhiên, việc duy trì, cập nhật, đánh giá nội bộ hệ thống quản lý an toàn chưa được tuân thủ. Do vậy, nghiên cứu bổ sung.

(vi) Trong thực tiễn xuất hiện hành vi tác động trực tiếp đến an toàn chạy tàu nhưng chưa được quy định như: Nhân viên tuần đường không đi tuần đường trên đường sắt mà đi xe máy hoặc đi xe đạp trên đường bộ; nhân viên tuần hầm, tuần cầu không kiểm tra trạng thái cầu, hầm trước và sau khi tàu chạy qua; nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu ngủ khi lên ban hoặc không có mặt, bỏ vị trí làm việc; lái tàu, phụ lái tàu rời vị trí khi đầu máy đang hoạt động; chủ đầu tư tiếp tục xây dựng, thi công hoặc không tự giác tháo dỡ công trình sau khi bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy phép thi công do vi phạm quy định của pháp luật; tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng... nên không thể xử phạt đối với những hành vi vi phạm này.

(vii) Bên cạnh đó, việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong thời gian qua cũng đã ảnh hưởng đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như: việc thay đổi tên gọi, thay đổi nhiệm vụ quyền hạn của Chánh thanh tra Sở Giao thông vận tải (thành Sở Xây dựng), Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở Nông nghiệp và Môi trường), người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an cấp huyện, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành...

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Luật Đường sắt 2025 đã tạo nên khung pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện thể chế, tạo cơ chế để huy động tối đa mọi nguồn lực nhằm tạo đột phá trong đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt. Nội dung chính của chương này là những quy định mới, mang tính “đột phá” cho đầu tư phát triển đường sắt, trong đó đẩy mạnh phân quyền từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng và từ Chính phủ, Bộ cho chính quyền địa phương theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” để phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong đầu tư phát triển hệ thống đường sắt, đặc biệt là đường sắt địa phương.

Việc xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cần phải đi đôi với bảo đảm cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính để tổ chức

thực hiện có hiệu quả; gắn việc phân định thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cấp, các ngành với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế trong môi trường kinh doanh, thông thoáng, bình đẳng trong hoạt động đường sắt.

Với những vấn đề mới phát sinh, cần thiết phải xây dựng dự thảo Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đường sắt để đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, đảm bảo phòng ngừa các hành vi vi phạm phát sinh trong thực tiễn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay Luật Đường sắt đã được Quốc hội thông qua, với nhiều nội dung mới như nêu trên. Do vậy, cần thiết phải rà soát, xây dựng Nghị định mới về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt nhằm đảm bảo tính thống nhất với Luật Đường sắt và các văn bản hướng dẫn. Tập trung vào một số nội dung sau:

1. Rà soát một số hành vi vi phạm quy định trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP không phù hợp với thực tế, gây khó khăn trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính; bổ sung các hành vi vi phạm hành chính mới phát sinh do Luật Đường sắt 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Bãi bỏ một số hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định số 100/2019/NĐ-CP không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

3. Rà soát, điều chỉnh mức xử phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tính chất, mức độ của các hành vi vi phạm, mức thu nhập của đối tượng vi phạm, đồng thời bảo đảm tính phòng ngừa, răn đe theo quy định

4. Quy định về thủ tục xử phạt và thẩm quyền xử phạt của các chức danh theo quy định Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính: Công an nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành do Bộ Xây dựng thành lập; Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành do Cục Đường sắt Việt Nam thành lập.

5. Tăng cường trang thiết bị, biên chế, chế độ cho người thực thi công vụ; trong đó có trang thiết bị, điều kiện vật chất để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

6. Các Bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, kỹ năng áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cho công chức làm công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục ĐSVN (để t/h);
- Lưu VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Danh Huy

PHỤ LỤC

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến Dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính	Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực; Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, trong đó có quy định: từ năm 2021 đến năm 2030: (1) Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; giảm biên chế; (2) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; (3) Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; (4) Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; (5) Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.	Nghị định 100/2019/NĐ-CP đã phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo mô hình, cơ cấu tổ chức tinh gọn, hoạt động hiệu quả, nhưng chưa đảm bảo với mô hình tổ chức mới của Chính phủ, mô hình chính quyền hai cấp. Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với chủ trương của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.	Thể chế hóa, đầy đủ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phù hợp với cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước, chính quyền địa phương 02 cấp để đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng.
Sửa đổi, bổ sung các quy định xử phạt vi phạm hành chính về kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt và các quy định về xử	Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự	Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng	Thể chế hóa đầy đủ các hành vi vi phạm tại dự thảo Nghị định trong lĩnh vực về kết cấu hạ

phạt vi phạm hành chính về vận tải đường sắt	an toàn giao thông trong tình hình mới, trong đó đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như: siết chặt trật tự, kỷ cương, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về giao thông của người tham gia giao thông và người làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông...; đổi mới mạnh mẽ phương thức tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông....	đường sắt, vận tải đường sắt của dự thảo Nghị định đều hướng tới giải pháp trọng tâm về siết chặt trật tự, kỷ cương, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm.	tăng giao thông đường sắt và vận tải đường sắt theo quy định của hệ thống pháp luật về đường bộ.
Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính	Nghị quyết 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước có quy định: trong thời gian Chính phủ chưa có quy định thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước do Chánh Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc các chức danh khác đang có thẩm quyền xử phạt tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật cho đến khi có quy định thay thế.	Dự thảo đã thể chế hóa về thẩm quyền xử phạt theo Nghị quyết số 190/2025/QH15	Thể chế hóa thẩm quyền xử phạt theo Nghị quyết số 190/2025/QH15 và quy định của Luật Thanh tra 2025.
Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh	Định hướng các quy định về thẩm quyền theo Kết luận số 134-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và dự thảo Luật Thanh tra.	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cảnh sát giao thông, cảnh sát cơ động, cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Xây dựng	Tiếp tục thể chế hóa thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong dự thảo Nghị định để phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp, cơ cấu tổ chức của bộ máy Thanh tra hiện hành.
Sửa đổi, bổ sung lại thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính	Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức	Thể chế hóa đầy đủ thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong dự thảo Nghị định để phù

	trị, Ban Bí thư về sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp	danh; Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, Trưởng công an cấp xã.	hợp với mô hình chính quyền 2 cấp,
--	--	--	------------------------------------

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 2. Đối tượng bị xử phạt 1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; b) Đơn vị sự nghiệp công lập; c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện); đ) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; e) Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; g) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật. 3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.	Khoản 1 Điều 5 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15) Điều 3 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 189/2025/NĐ-CP)	Quy định về đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Giữ nguyên quy định về đối tượng áp dụng theo quy định của dự thảo Nghị định

4. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.			
Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng 1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường sắt, tổ chức, cá nhân phải chịu hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền. 2. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây: a) Tước quyền sử dụng giấy phép lái tàu; b) Tước quyền sử dụng giấy phép thi công; c) Tịch thu phương tiện tự tạo; d) Tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, giấy đếp lái tàu giả; e) Tịch thu vé tàu, vé tàu giả. 3. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu về phương tiện và kết cấu hạ tầng đường sắt do vi phạm hành chính gây ra: Buộc phải khôi phục lại kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng ban đầu của phương tiện trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông trên đường sắt; Buộc phải đưa đất, đá, cát, vật chướng ngại, rơm, rạ, nông sản, rác thải sinh hoạt, chất độc hại, chất phế thải, chất dễ cháy, dễ nổ các loại vật tư, vật liệu, vật phẩm khác ra khỏi đường sắt, công trình đường sắt khác hoặc phạm vi đất dành cho đường sắt. b) Buộc phải phá dỡ các công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; các vật, cây trồng gây cản trở giao thông đường sắt: Buộc phải phá dỡ vật che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công	Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15) Khoản 5 Điều 4 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 189/2025/NĐ-CP)	Quy định về các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng của dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với quy định tại Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính	Giữ nguyên các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng của dự thảo Nghị định.

trình đường sắt hoặc đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt hoặc hạ độ cao của cây trồng có chiều cao vượt quá quy định, di dời cây trồng không đúng quy định hoặc có ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt; Buộc phải phá dỡ, di chuyển các công trình, nhà ở, lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt hoặc buộc phải phá dỡ, di chuyển lều, quán (dựng trái phép), biển quảng cáo, biển chỉ dẫn, các vật che chắn khác (đặt, treo trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt hoặc buộc phải phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, phá dỡ công trình bị thu hồi, hủy giấy phép. c) Buộc phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt gồm: Buộc phải lắp đặt đúng, đủ và duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị theo quy định; Buộc phải đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; Buộc phải đưa phương tiện giao thông đường bộ, vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị, hàng hóa, biển phòng vệ, biển báo tạm thời ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; Buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác (đề trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; Buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định; Buộc phải gia cố, di chuyển hoặc cải tạo công trình gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường sắt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; Buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay; van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất (tại vị trí làm việc của trưởng tàu và trên toa xe khách); thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe; thiết bị tín hiệu đuôi tàu; đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen); thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo			
---	--	--	--

trong khi lái tàu; thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu (tại vị trí làm việc của trưởng tàu); Buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu khách hoặc tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay; Buộc phải hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định hoặc đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy; Buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe; Buộc phải tổ chức thử hãm hoặc tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định; Buộc phải để toa xe chở hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) hoặc để ghi dẫn sang đường khác theo đúng quy định về dòn tàu; Buộc phải đưa thi hài, hài cốt, động vật sống, động vật có dịch bệnh, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, xuống tàu (tại ga đến gần nhất trong trường hợp tàu đang chạy), ra ga để xử lý theo quy định; Buộc phải thực hiện ngay nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; Buộc phải tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố. 4. Nguyên tắc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.			
Điều 5. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện 1. Việc xác định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. 2. Đối với các hành vi vi phạm được phát hiện thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp: thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, phương	- Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 - Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 189/2025/NĐ-CP)	Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 189/2025/NĐ-CP)	Giữ nguyên các quy định về hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số

tiện, thiết bị kỹ thuật ghi nhận hành vi vi phạm.			118/2021/NĐ-CP.
Điều 6. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về lắp đặt hệ thống báo hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung; kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cầu chung; cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng quy định nội dung thông tin hỗ trợ cảnh giới để thực hiện nhiệm vụ tại vị trí cảnh giới; b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ trang thiết bị phục vụ cảnh giới theo quy định. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt có cầu chung thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không có phương thức chỉ huy, liên lạc giữa nhà gác hai đầu cầu để điều khiển giao thông trên cầu bảo đảm thông suốt, an toàn theo quy định; b) Không tổ chức kết nối tín hiệu đường sắt, đường bộ tại khu vực cầu chung do doanh nghiệp quản lý theo quy định. 3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ, thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không lắp đặt, lắp đặt không đúng, không đủ, không duy trì hoạt động bình thường hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung, không tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định; b) Không thông báo kịp thời, không phối hợp với lực lượng chức năng điều hành giao thông để bảo đảm an toàn giao thông qua đường ngang khi xảy ra sự cố hư hỏng đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang thuộc phạm vi quản lý; c) Không ban hành chế độ kiểm tra, bảo trì hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định; d) Không lập kế hoạch xây dựng, bảo trì công trình, thiết bị hệ thống kết nối tín hiệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức được giao quản	- Khoản 3 Điều 6, Điều 11, Điều 12, khoản 7 Điều 16 Luật Đường sắt - Điều 28, Điều 29, Điều 39, Điều 40, Điều 42, Điều 51, Điều 52 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này phù hợp với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định quy định về lắp đặt hệ thống báo hiệu, thiết bị tại đường ngang, cầu chung; kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cầu chung; cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ và đường sắt đang được quy định trong dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, đường bộ thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải lắp đặt đúng, đủ và duy trì hoạt động bình thường của hệ thống báo hiệu, tín hiệu, thiết bị, tổ chức thực hiện phòng vệ theo quy định.			
Điều 7. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về khám, sửa chữa toa xe, lập tàu, thử hãm 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với nhân viên khám chữa toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện việc khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến hoặc thực hiện khám, sửa chữa đoàn tàu đi, đến không đúng, không đủ nội dung theo quy định; b) Tiến hành sửa chữa toa xe trên đường sắt trong ga khi chưa thực hiện biện pháp phòng vệ theo quy định; c) Đưa toa xe không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật nối vào đoàn tàu; d) Không phát hiện hoặc phát hiện nhưng không sửa chữa kịp thời các hư hỏng của toa xe gây chậm tàu. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi lập tàu không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên điều độ chạy tàu ga, trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Lập tàu có ghép nối toa xe không bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, trừ trường hợp di chuyển phương tiện chạy thử nghiệm, đưa phương tiện bị hư hỏng về cơ sở sửa chữa; b) Lập tàu có ghép nối toa xe vận tải động vật, hàng hóa có mùi hôi thối, chất dễ cháy, dễ nổ, độc hại, hàng nguy hiểm khác vào tàu khách. 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, trưởng tàu, lái tàu, nhân viên khám xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Cho tàu chạy từ ga lập tàu hoặc các ga có quy định về thử hãm đoàn tàu mà không đủ áp lực hãm theo quy định; b) Cho tàu chạy mà không thử hãm theo quy định. 5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với doanh nghiệp	- Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về quy định về khám, sửa chữa toa xe, lập tàu, thử hãm trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không ban hành nội dung, chức danh đảm nhiệm việc khám kỹ thuật theo quy định; b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không quy định địa điểm, không giám sát việc khám kỹ thuật của đoàn tàu theo quy định. 6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức được giao sửa chữa, quản lý, vận dụng phương tiện giao thông đường sắt không có đầy đủ trang bị kỹ thuật, phụ tùng, vật tư cần thiết để phục vụ việc chỉnh bị, kiểm tra, làm tu phương tiện giao thông đường sắt tại các trạm đầu máy, trạm khám chữa toa xe theo quy định. 7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải tổ chức thử hãm theo quy định.			
Điều 8. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về dòn tàu 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển máy dòn, trưởng dòn, nhân viên ghép nối đầu máy, toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Cho đầu máy dịch chuyển khi chưa nhận được kế hoạch dòn hoặc tín hiệu của người chỉ huy dòn cho phép; b) Vượt quá tốc độ dòn cho phép; c) Dòn phóng, thả trôi từ dốc gù toa xe có ghi “cấm phóng”, toa xe khác theo quy định không được dòn phóng hoặc tại ga có quy định cấm dòn phóng; d) Dòn phóng vào đường có toa xe đang tác nghiệp kỹ thuật, đang sửa chữa, đang xếp, dỡ hàng; dòn phóng vào đường nhánh trong khu gian, vào đường chưa được chiếu sáng đầy đủ hoặc khi có sương mù, mưa to, gió lớn; đ) Để toa xe ngoài móc tránh va chạm sau mỗi cú dòn, trừ các trường hợp đặc biệt theo quy định; e) Để đầu máy, toa xe đỗ trên đường an toàn, đường lánh nạn khi không có lệnh của người có thẩm quyền; g) Đặt chèn trên đường sắt tại các vị trí cấm đặt chèn; h) Tiến hành dòn khi các toa xe trong đoàn dòn chưa treo hàm nối	- Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về quy định về dòn tàu trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

ổng mềm vào chỗ quy định; i) Để toa xe chưa dôn trên đường ga, đường nhánh trong khu gian, đường dùng riêng mà không nối liền với nhau, không siết chặt hãm tay ở hai đầu đoàn xe, không chèn chắc chắn. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng dôn thực hiện hành vi dôn tàu ra khỏi giới hạn ga khi chưa có chứng vật chạy tàu cho đoàn dôn chiếm dụng khu gian. 3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga hoặc điều độ chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Sau khi dôn xong vẫn để toa xe chờ hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) chưa nối vào tàu nhưng không nối liền với nhau, không chèn chắc chắn, không để riêng trên một đường, không phòng vệ bằng tín hiệu di động “ngừng”; b) Sau khi dôn xong vẫn để ghi dẫn vào đường chứa toa xe chờ hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) không thông sang đường khác. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc phải để toa xe chờ hàng nguy hiểm (chất nổ, chất cháy) theo đúng quy định về dôn tàu; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phải để ghi dẫn sang đường khác theo đúng quy định về dôn tàu.			
Điều 9. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chạy tàu 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu hàng, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn, trực ban chạy tàu ga thực hiện hành vi không ký xác nhận vào phần nội dung tồn căn cảnh báo trong Giấy cảnh báo theo quy định. 2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn, trực ban chạy tàu ga, nhân viên khám xe, nhân viên áp tải kỹ thuật theo tàu không tham gia thực hiện việc thử hãm đoàn tàu, không ghi đầy đủ các nội dung, không ký xác nhận vào Giấy xác nhận tác dụng hãm theo quy định. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển tàu chạy lùi khi sương mù, mưa to, gió lớn mà không	- Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về chạy tàu trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

xác nhận được tín hiệu; b) Điều khiển tàu chạy lùi khi thông tin bị gián đoạn mà phía sau tàu đó có tàu chạy cùng chiều; c) Điều khiển tàu chạy lùi trong khu gian đóng đường tự động khi chưa có lệnh; d) Điều khiển tàu chạy tiến hoặc lùi trong trường hợp đã xin cứu viện mà chưa được phép bằng mệnh lệnh; đ) Điều khiển tàu chạy lùi trong trường hợp tàu có đầu máy đẩy vào khu gian rồi trở về. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu, nhân viên gác ghi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Trực ban chạy tàu ga, lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy vào khu gian mà chưa có chứng vật chạy tàu; b) Trực ban chạy tàu ga, nhân viên gác ghi để người không có phận sự thực hiện nhiệm vụ của mình khi không được phép. 5. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng.			
Điều 10. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đón, gửi tàu 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Trực ban chạy tàu ga, gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm, tuần cầu, tuần đường, tuần hầm không đón, tiễn tàu hoặc tác nghiệp đón, tiễn tàu không đúng quy định trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này; b) Trực ban chạy tàu ga không ghi chép đầy đủ các mẫu điện tín; c) Trực ban chạy tàu ga, gác đường ngang, gác cầu chung không ghi chép đầy đủ thông tin về giờ tàu chạy qua ga, chắn, cầu chung theo quy định. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga để tàu đỗ trước cột tín hiệu vào ga khi không có lý do chính đáng. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với nhân viên gác đường ngang, cầu chung không đóng chắn hoặc đóng chắn không	- Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về đón, gửi tàu trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

đúng thời gian quy định. 4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Tổ chức đón tàu vào đường không thanh thoát mà không áp dụng các biện pháp an toàn theo quy định; b) Đón, gửi nhầm tàu; c) Đón, gửi tàu mà không thu chìa khóa ghi hoặc không áp dụng các biện pháp khống chế ghi; d) Cho tàu chạy vào khu gian mà không thông báo cho nhân viên gác đường ngang, cầu chung theo quy định; đ) Đề phương tiện giao thông đường sắt khác chiếm dụng đường chính tuyến trong ga, trừ trường hợp bất khả kháng (tránh vượt tàu, dồn dịch, cứu hộ, cứu nạn); e) Không thông báo cho trực ban chạy tàu ga đến, ga đi, nhân viên điều độ chạy tàu tuyến về số hiệu tàu, giờ thực tế tàu đến, đi, thông qua sau khi tàu đến, đi, thông qua ga theo quy định; g) Không kiểm tra, không xác nhận việc dồn dịch gây ảnh hưởng, trở ngại đến đường đón, gửi tàu theo quy định.			
Điều 11. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với lái tàu, trưởng đồn, nhân viên ghép nối đầu máy toa xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Đã xác nhận được các tín hiệu dồn nhưng không kéo còi làm tín hiệu hô đáp; b) Khi dồn tàu không thực hiện đúng các tín hiệu dồn theo quy định. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với nhân viên gác đường ngang, cầu chung không điều hành giao thông khi chắn bị hỏng, đèn tín hiệu không hoạt động hoặc báo hiệu sai quy định. 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Lái tàu, trưởng tàu, phó trưởng tàu khách phụ trách an toàn cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trực ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền; b) Lái tàu điều khiển tàu chạy vượt qua tín hiệu vào ga, ra ga đang ở	- Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

trạng thái đóng khi chưa được phép của người chỉ huy chạy tàu ở ga; c) Lái tàu không dừng tàu khi tàu đã đề lên pháo phòng vệ và pháo phòng vệ đã nổ bình thường; d) Lái tàu tiếp tục cho tàu chạy khi đã nhận được tín hiệu ngừng tàu. 4. Ngoài việc bị phạt tiền, người lái tàu thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 3 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng.			
Điều 12. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không công bố hoặc công bố không đầy đủ nội dung biểu đồ chạy tàu theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Không gửi biểu đồ chạy tàu hoặc gửi biểu đồ chạy tàu không đúng thời hạn cho các tổ chức có liên quan hoặc gửi không đầy đủ nội dung biểu đồ chạy tàu theo quy định; b) Không công bố công khai công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ theo quy định. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương (trừ đường sắt đô thị), chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng thực hiện hành vi không xây dựng hoặc có xây dựng nhưng không đủ nội dung công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu theo quy định.	- Điều 52 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt
Điều 13. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều độ chạy tàu 1. Phạt tiền từ <u>300.000 đồng đến 400.000 đồng</u> đối với nhân viên điều độ chạy tàu không kiểm tra các ga về việc thi hành biểu đồ chạy tàu và kế hoạch lập tàu. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên	- Điều 52 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trong dự thảo Nghị định

điều độ chạy tàu tuyến thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Phát mệnh lệnh liên quan đến chạy tàu không đúng thẩm quyền; b) Không phát lệnh cho trực ban chạy tàu ga cấp cảnh báo kịp thời cho lái tàu; c) Không phát lệnh phong tỏa khu gian theo quy định để: Tổ chức thi công, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt; tổ chức chạy tàu cứu viện, tàu công trình vào khu gian cần phải phong tỏa; d) Không kịp thời phát các mệnh lệnh thuộc thẩm quyền quy định gây chậm tàu, ách tắc giao thông. 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với trực ban chạy tàu ga không cấp cảnh báo cho lái tàu, trưởng tàu theo quy định.		đường sắt	để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt
Điều 14. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt 1. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người đi bộ vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển hoặc đã đóng; vượt qua đường ngang khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường hoặc hướng dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung, hầm khi đi qua đường ngang, cầu chung, hầm. 2. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung. 3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy, người điều khiển xe thô sơ dừng xe, đỗ xe trong khu vực đường ngang phạm vi an toàn đường ngang, cầu chung; vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành	- Khoản 7 Điều 16 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong **khu vực đường ngang**, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

5. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

6. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng dừng xe, đỗ xe quay đầu xe trong **khu vực đường ngang**, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.

7. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng vượt rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung.

8. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, các loại xe tương tự xe ô tô vượt

rào chắn đường ngang, cầu chung khi chắn đang dịch chuyển; vượt đường ngang, cầu chung khi đèn đỏ đã bật sáng; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của nhân viên gác đường ngang, cầu chung khi đi qua đường ngang, cầu chung. 9. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ vi phạm một trong các hành vi sau đây: a) Điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm hỏng cản chắn, giàn chắn, các thiết bị khác tại đường ngang, cầu chung; b) Điều khiển xe bánh xích, xe lu bánh sắt, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, quá khổ giới hạn đi qua đường ngang mà không thông báo cho tổ chức quản lý đường ngang, không thực hiện đúng các biện pháp bảo đảm an toàn. 10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 01 tháng đến 03 tháng. 11. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 9 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.			
Điều 15. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống thiên tai và giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000	- Điều 45, Điều 53 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống thiên tai và giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường

đồng đối với cá nhân biết tai nạn giao thông xảy ra trên đường sắt, phát hiện hành vi, sự cố có khả năng gây cản trở, mất an toàn giao thông vận tải đường sắt mà không báo tin cho nhà ga, đơn vị đường sắt, chính quyền địa phương hoặc cơ quan công an nơi gần nhất. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm mà không phát hiện kịp thời sự cố, chướng ngại vật trên đường sắt có ảnh hưởng đến an toàn giao thông hoặc đã phát hiện mà không thông báo kịp thời, không phòng vệ hoặc phòng vệ không đúng quy định. 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân có trách nhiệm không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ tai nạn ban đầu; không thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời về tai nạn giao thông đường sắt cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định. 4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đủ các tài liệu, vật chứng liên quan đến tai nạn giao thông đường sắt; không chuyển giao hồ sơ tai nạn ban đầu theo quy định; b) Không thực hiện nghĩa vụ cứu nạn khi có điều kiện cứu nạn; c) Khi nhận được tin báo về tai nạn giao thông đường sắt hoặc khi được yêu cầu phối hợp, hỗ trợ không đến ngay hiện trường để giải quyết; d) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình đường sắt bị hư hỏng; đ) Không kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố làm ảnh hưởng	sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
---	---	---	---

đến việc chạy tàu; e) Gây trở ngại cho việc khôi phục đường sắt sau khi xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. 5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Thay đổi, xóa dấu vết hiện trường vụ tai nạn giao thông đường sắt; b) Lợi dụng tai nạn giao thông đường sắt để xâm phạm tài sản, phương tiện bị nạn; làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông đường sắt; c) Gây tai nạn giao thông đường sắt mà không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền; d) Không phối hợp, không chấp hành mệnh lệnh của người, cơ quan có thẩm quyền trong việc khắc phục hậu quả, khôi phục giao thông đường sắt. 6. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với doanh nghiệp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thành lập Hội đồng giải quyết tai nạn giao thông đường sắt hoặc Hội đồng phân tích tai nạn giao thông đường sắt khi có tai nạn giao thông đường sắt xảy ra theo quy định; b) Không lưu trữ hồ sơ các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không thường xuyên cập nhật số liệu về số vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt theo quy định; c) Không quy định trách nhiệm của các đơn vị tham gia hoạt động trên đường sắt quốc gia trong việc giải quyết các vụ sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, không công bố công khai địa chỉ, số điện thoại của các tổ chức, cá nhân có liên quan để phục vụ công tác xử lý sự cố, tai nạn giao thông			
--	--	--	--

đường sắt theo quy định. 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không xây dựng, thực hiện phương án phòng, chống và khắc phục kịp thời hậu quả do sự cố, thiên tai, tai nạn giao thông đường sắt để bảo đảm giao thông đường sắt an toàn, thông suốt; b) Không tuân thủ sự chỉ đạo, điều phối lực lượng của tổ chức phòng, chống sự cố, thiên tai, xử lý tai nạn giao thông đường sắt; c) Không thông báo kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu và việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố hoặc nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt; d) Không đình chỉ chạy tàu khi thấy kết cấu hạ tầng đường sắt có nguy cơ gây mất an toàn chạy tàu; đ) Không thành lập tổ ứng phó cứu viện để giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.			
Điều 16. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt, trong cầu, hầm dành riêng cho đường sắt, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ; b) Vượt tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; c) Để súc vật đi qua đường sắt không đúng quy định hoặc để súc vật kéo xe qua đường sắt mà không có người điều khiển;	- Khoản 1 Điều 6, Điều 54 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ

d) Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ; đ) Phơi rơm, rạ, nông sản, để các vật phẩm khác trên đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; e) Để rơi vãi đất, cát, các loại vật tư, vật liệu khác lên đường sắt. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Neo đậu phương tiện vận tải thủy, bè, mảng hoặc các vật thể khác trong phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; b) Để phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt; b) Để vật chướng ngại lên đường sắt làm cản trở giao thông đường sắt; c) Tự ý mở chắn đường ngang khi chắn đã đóng. 4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ sở hữu công trình thiết bị điện, viễn thông thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:			tầng đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
--	--	--	--

a) Không thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi công trình thiết bị điện, viễn thông nằm trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; b) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn để công trình điện lực, đường dây tải điện gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt; c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn cho thiết bị, công trình đường sắt, giao thông vận tải đường sắt khi dây tải điện bị sự cố, đứt trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt. 5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân làm rơi gỗ, đá hoặc các vật thể khác gây sự cố, tai nạn chạy tàu. 6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường ngang chuyên dùng không bố trí định biên gác đường ngang trong phạm vi quản lý theo quy định. 7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không có giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt đối với tuyến đường được phép sử dụng độ dốc lớn hơn dốc hạn chế; b) Không có biện pháp đảm bảo an toàn cho hành khách lên xuống tàu ở những ga có ke ga đang sử dụng chưa nâng			
---	--	--	--

cấp, cải tạo. 8. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc phải ra khỏi đường sắt, cầu, hầm dành riêng cho đường sắt; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này buộc phải đưa rơm, rạ, nông sản, các vật phẩm khác ra khỏi đường sắt hoặc các công trình đường sắt khác; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 1, điểm b khoản 3 Điều này buộc phải đưa đất, cát, vật chướng ngại, các loại vật tư, vật liệu khác ra khỏi đường sắt; d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc phải đưa bè, mảng, phương tiện vận tải thủy hoặc các vật thể khác ra khỏi phạm vi bảo vệ cầu đường sắt; đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này buộc phải đưa phương tiện giao thông đường bộ, thiết bị, vật liệu, hàng hóa ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; e) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt.			
Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn hệ thống đường sắt 1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện hành vi vi phạm sau: a) Đưa vào vận hành, khai thác tuyến đường sắt tốc độ cao, đường sắt cấp I, đường sắt đô thị xây dựng mới hoặc nâng	- Khoản 6 Điều 52 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về quản lý an toàn hệ thống đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định

cấp tuyến đường sắt mà không có giấy chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định; b) Không xây dựng, phê duyệt hệ thống quản lý an toàn vận hành đối với các tuyến đường sắt đưa vào khai thác theo quy định; c) Không công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định. 2. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này buộc phải có giấy chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định; b) Thực hiện hành vi vi phạm tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này buộc phải xây dựng, phê duyệt, công bố công khai và duy trì hệ thống quản lý an toàn vận hành theo quy định.			về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt
Điều 18. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân đồ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Đồ, đồ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt; b) Đồ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển;	- Điều 54 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt.	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt

c) Để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; d) Làm che lấp tín hiệu giao thông đường sắt; đ) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt; e) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép trong lòng đường sắt hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; g) Bơm, xả nước hoặc các chất lỏng khác làm ngập nền đường sắt, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước đường sắt hoặc ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường sắt. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Đào, lấy, san, lấp đất, đá hoặc các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; b) Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở; c) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Tự mở lối đi qua đường sắt;			
---	--	--	--

b) Khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép; c) Tháo dỡ, làm xê dịch trái phép ray, tà vẹt, cầu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt; <i>d) Xây dựng công trình thiết yếu phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, kinh tế - xã hội, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt trái phép qua đường sắt hoặc trong phạm vi đất dành cho đường sắt theo quy định.</i> 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sử dụng chất nổ; khai thác đất, đá, cát, sỏi, các vật liệu khác làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt. 6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều này buộc phải đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này buộc phải đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này buộc phải dỡ bỏ vật che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt; d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu (của hệ thống thoát nước công trình đường sắt) đã bị thay đổi do vi phạm			
--	--	--	--

hành chính gây ra; đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này buộc phải đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g khoản 2; khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c khoản 4; khoản 5 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; g) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này buộc phải phá dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép), khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.			
Điều 19. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Xây dựng lò vôi, lò gốm, lò gạch, lò nấu gang, thép, xi măng, thủy tinh cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 10 m;	- Điều 54 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt.	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt

b) Xây dựng nhà bằng vật liệu dễ cháy cách ngoài chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt nhỏ hơn 05 m; c) Xây dựng các kho chứa chất độc, chất nổ, chất dễ cháy, chất dễ nổ không đảm bảo khoảng cách an toàn so với chỉ giới hành lang an toàn giao thông đường sắt theo quy định; d) Xây dựng công trình điện lực, đường dây tải điện đi ngang qua hoặc hai bên công trình đường sắt mà không có biện pháp bảo đảm: khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về điện lực; không gây nhiễu hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt; e) Xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo vệ công trình đường sắt làm hư hỏng công trình đường sắt; g) Xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn giao thông tại khu vực đường ngang không bố trí người gác. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn công trình đường sắt, bảo đảm an toàn giao thông đường sắt; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm g khoản 2; khoản 3 Điều này buộc phải phá dỡ công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt;			
---	--	--	--

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu (của công trình đường sắt) đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.			
Điều 20. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Trồng cây trái phép trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị; trồng cây cao trên 1,5 m hoặc trồng cây dưới 1,5 m nhưng ảnh hưởng đến an toàn, ổn định công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt trong quá trình khai thác hoặc trồng cây che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trong phạm vi hành lang an toàn giao thông đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng; b) Chăn thả súc vật, mua bán hàng hóa, họp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt vào mục đích canh tác nông nghiệp làm sạt lở, lún, nứt, hư hỏng công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt. 3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Để phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải hoặc các vật phẩm khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công	- Điều 54 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt.	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt

trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc trong khu vực ga, đề-pô, nhà ga đường sắt; b) Dựng lều, quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; c) Đặt, treo biển quảng cáo, biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt; d) Di chuyển chậm trễ các công trình, nhà ở, lều, quán hoặc có tình trì hoãn việc di chuyển gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Xây dựng nhà, công trình khác (bao gồm cả công trình phục vụ quốc phòng, an ninh) trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt, trừ các hành vi vi phạm quy định tại: điểm b, điểm c khoản 3 Điều này; điểm d khoản 4 Điều 17 Nghị định này; b) Dựng biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường sắt. 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc phải hạ độ cao của cây trồng có chiều cao vượt quá quy định, di dời cây trồng không đúng quy định hoặc có ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt; b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này buộc			
--	--	--	--

phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc đưa phương tiện, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, chất phế thải, các vật phẩm khác (đề trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt; d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phải phá dỡ, di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc phải phá dỡ, di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt; e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này buộc phải phá dỡ, di chuyển các công trình, nhà ở, lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt; g) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải phá dỡ, di chuyển nhà, công trình, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng giấy phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.			
Điều 21. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công xây dựng, quản lý, khai thác công trình thiết yếu, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ	- Điều 54 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt.	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về thi công xây dựng, quản lý, khai thác công trình thiết yếu, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường sắt không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trong

chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình khi chưa có văn bản chấp thuận phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, thời gian phong tỏa phục vụ thi công của tổ chức có thẩm quyền theo quy định; b) Khi thi công hoàn thành công trình không bàn giao lại hiện trường, hồ sơ hoàn công cho tổ chức có liên quan theo quy định; c) Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi khu gian chưa được phong tỏa hoặc hết thời gian phong tỏa khu gian. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công; b) Không gia cố kịp thời công trình thiết yếu để bảo đảm an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình thiết yếu bị hư hỏng; c) Không tự di chuyển hoặc cải tạo công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; d) Không tự phá dỡ công trình khi hết hạn sử dụng; đ) Không tự phá dỡ công trình khi xây dựng không đúng với giấy phép hoặc khi cơ quan có thẩm quyền đã thu hồi, hủy giấy phép. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thi công công trình gây sự cố, tai nạn giao thông			phạm vi đất dành cho đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt
---	--	--	---

đường sắt. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này buộc phải đưa vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị ra khỏi khỏi giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này buộc phải gia cố, di chuyển hoặc cải tạo công trình gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường sắt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, phá dỡ công trình xây dựng không đúng với giấy phép hoặc bị thu hồi, hủy giấy phép.			
Điều 22. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không lập danh mục quản lý đối với các đường ngang không phù hợp theo quy định; không lập, không cập nhật hồ sơ các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt, lối đi tự mở qua đường sắt; b) Không phát hiện hoặc đã phát hiện mà không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời những hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt trong phạm vi quản lý; c) Không lập, không lưu trữ hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng	- Điều 41 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

đường sắt hoặc lập, lưu trữ hồ sơ nhưng không đúng quy định; d) Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng đường sắt; đ) Không thông báo hoặc thông báo không kịp thời sự cố đe dọa an toàn chạy tàu, việc tạm đình chỉ chạy tàu cho trực ban chạy tàu ga ở hai đầu khu gian nơi xảy ra sự cố, nhân viên điều hành giao thông vận tải đường sắt, khách hàng sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt; e) Không xây dựng lộ trình, không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn tại các vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định; g) Không thực hiện chốt gác tại đường ngang là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt trên đường sắt quốc gia; không thực hiện huấn luyện nghiệp vụ cảnh giới, chốt gác theo quy định cho người do địa phương bố trí để cảnh giới, chốt gác tại các lối đi tự mở; h) Không lập hệ thống quản lý chất lượng bảo trì công trình đường sắt theo quy định; i) Không duy trì trạng thái kỹ thuật, chất lượng kết cấu hạ tầng đường sắt đã công bố hoặc để xảy ra sự cố công trình đường sắt do không thực hiện bảo trì công trình đường sắt theo quy định; k) Không kịp thời phát hiện hoặc không thực hiện theo quy định khi phát hiện, nhận được tin báo công trình đường sắt, bộ phận công trình đường sắt, thiết bị lắp đặt vào công trình đường sắt bị hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với			
--	--	--	--

cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, xử lý lỗi đi tự mở thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không tổ chức thu hẹp bề rộng hoặc xóa bỏ lỗi đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định; b) Không tổ chức cảnh giới, chốt gác tại lỗi đi tự mở là vị trí nguy hiểm đối với an toàn giao thông đường sắt theo quy định. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện chế độ kiểm tra hoặc thực hiện chế độ kiểm tra không đúng quy định; b) Để công trình đường sắt bị hư hỏng mà không kịp thời có biện pháp khắc phục, sửa chữa cần thiết; c) Không kịp thời tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố; d) Không kiểm tra việc thực hiện phương án tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt tại vị trí thi công trên tuyến đường sắt theo công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ đã công bố. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2; điểm a, điểm b khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp			
--	--	--	--

bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc phải tổ chức sửa chữa, bổ sung, gia cố, thay thế các hư hỏng kết cấu hạ tầng đường sắt để bảo đảm chất lượng theo công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố.			
Điều 23. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt trên đường sắt đang khai thác 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình không thông báo bằng văn bản cho tổ chức trực tiếp quản lý công trình đường sắt biết trước khi thi công; b) Không bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định đối với phương tiện, thiết bị thi công; c) Không bố trí hoặc bố trí không đúng vị trí quy định, không đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ theo quy định, không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt trong quá trình thi công; d) Điều khiển phương tiện, thiết bị thi công mà không có bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định; đ) Thu hồi tín hiệu phòng vệ khi chưa kết thúc thi công, chưa kiểm tra trạng thái đường, chưa kiểm tra giới hạn tiếp giáp kiến trúc đủ điều kiện bảo đảm an toàn chạy tàu; e) Thi công công trình đường sắt có Giấy phép thi công nhưng đã hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã hết thời hạn thi công ghi trong văn bản; g) Để vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công,	- Điều 44 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về thi công công trình đường sắt trên đường sắt đang khai thác trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

biện phòng vệ, biện báo tạm thời vi phạm khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt khi hết thời gian phong tỏa để thi công công trình, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này; h) Không thông báo bằng văn bản cho đơn vị quản lý công trình đường sắt biết khi hoàn thành việc thi công công trình; i) Thi công công trình khi chưa yêu cầu cấp cảnh báo theo quy định; k) Không thực hiện các biện pháp phong tỏa khu gian, biện pháp chạy tàu trên đường sắt theo quy định khi thi công công trình trên đường sắt đang khai thác. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình không có Giấy phép thi công hoặc không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (đối với trường hợp quy định phải có Giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận); không thực hiện đúng quy định ghi trong Giấy phép thi công hoặc trong văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; b) Không kịp thời có biện pháp xử lý, biện pháp ngăn ngừa tai nạn khi phát hiện công trình đường sắt đang thi công đe dọa an toàn chạy tàu; c) Để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi công không đúng quy định gây cản trở chạy tàu, không bảo đảm an toàn giao thông. 3. Phạt tiền từ 7.500.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi thi công công trình khi chưa được bàn giao mặt bằng.			
---	--	--	--

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thi công trên đường sắt đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. 5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ thi công từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép thi công (nếu có) từ 01 tháng đến 03 tháng. 6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ thiết bị an toàn và tín hiệu theo quy định; b) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này buộc phải bố trí đủ biển báo, tín hiệu phòng vệ và thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định; c) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều này buộc phải di chuyển vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ thi công, biển phòng vệ, biển báo tạm thời ra khỏi khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc đường sắt; d) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo quy định; đ) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này buộc phải để phương tiện, vật liệu, thiết bị thi			
---	--	--	--

công theo đúng quy định, không gây cản trở chạy tàu; e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.			
Điều 24. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt 1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng không phát hiện hoặc không có biện pháp ngăn chặn, báo cáo kịp thời các vi phạm về kết nối tuyến đường sắt. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức khi kết nối các tuyến đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: a) Kết nối trái phép các tuyến đường sắt; b) Không thực hiện đúng, đủ các nội dung trong Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt; c) Thực hiện kết nối khi chưa có ý kiến thống nhất bằng văn bản của đơn vị quản lý tuyến đường sắt được kết nối theo quy định; d) Khi hoàn thành việc kết nối không bàn giao hiện trường, hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối theo quy định.	- Khoản 5 Điều 14 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về kết nối các tuyến đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt
Điều 25. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện khai thác, sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt (với mỗi phương tiện vi phạm) 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:	- Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về điều kiện khai thác, sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt (với mỗi phương tiện vi phạm) trong dự thảo Nghị định để đảm bảo

a) Đưa phương tiện tự tạo chạy trên đường sắt; b) Chủ phương tiện không thực hiện đăng ký phương tiện giao thông đường sắt khi chuyển quyền sở hữu; thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trên mỗi phương tiện đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: a) Đưa phương tiện không có Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt tham gia giao thông trên đường sắt hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt không do cơ quan có thẩm quyền cấp, trừ việc di chuyển phương tiện mới nhập khẩu, phương tiện chạy thử nghiệm, di chuyển phương tiện đến vị trí tập kết để cất giữ, bảo quản; b) Đưa phương tiện không có Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt hoặc không có Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt tham gia giao thông trên đường sắt, trừ việc di chuyển phương tiện chạy thử nghiệm, phương tiện hư hỏng đưa về cơ sở sửa chữa; sử dụng Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt, Giấy chứng nhận kiểm tra định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc đã hết hạn sử dụng; c) Đưa phương tiện giao thông đường sắt không được phép vận dụng ra khai thác trên đường sắt;			tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
---	--	--	--

d) Sử dụng toa xe chở hàng để vận chuyển hành khách; đ) Tự ý thay đổi kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này mà gây tai nạn giao thông đường sắt. 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện tự tạo. 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Vi phạm quy định điểm b khoản 1 Điều này còn phải thực hiện đăng ký đối với phương tiện giao thông đường sắt; b) Vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại kết cấu, hình dáng, tính năng sử dụng ban đầu của phương tiện trước khi đưa phương tiện tham gia giao thông trên đường sắt.			
Điều 26. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng trên mỗi phương tiện vi phạm nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau: a) Đưa vào khai thác trên đường sắt quốc gia toa xe khách không có bảng niêm yết hoặc có bảng niêm yết nhưng không đầy đủ về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga	- Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về thông tin, chỉ dẫn cần thiết đối với phương tiện giao thông đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

dùng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố theo quy định; b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt đô thị không có hoặc có nhưng không đầy đủ thông tin, chỉ dẫn cần thiết cho khách hàng theo quy định. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt không kê, kê không đủ, không đúng số hiệu, số đăng ký và các ký hiệu khác theo quy định trên mỗi phương tiện giao thông đường sắt.			
Điều 27. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thiết bị hãm, ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Trên phương tiện giao thông đường sắt không lắp thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; b) Không lắp van hãm khẩn cấp trên toa xe khách, tại vị trí làm việc của trưởng tàu hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; c) Không kiểm tra định kỳ và kẹp chì niêm phong van hãm khẩn cấp, đồng hồ áp suất theo quy định; d) Không lắp đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định; đ) Lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng không đúng quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối	- Điều 47 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về thiết bị hãm, ghép nối đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng trong dự thảo Nghị định đề đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện hành vi sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng đã hết hạn sử dụng hoặc sử dụng thiết bị tín hiệu đuôi tàu không hoạt động theo quy định.

3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: thiết bị hãm tự động, hãm bằng tay;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: van hãm khẩn cấp tại vị trí làm việc của trưởng tàu và trên toa xe khách;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều này buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: đồng hồ áp suất tại vị trí làm việc của trưởng tàu, trên một số toa xe khách;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này buộc phải lắp thiết bị ghép nối đầu máy, toa xe, **phương tiện chuyên dùng** theo đúng quy định;

đ) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này buộc phải thay thế hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị tín hiệu đuôi tàu theo đúng quy định.

Điều 28. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với trưởng tàu, lái tàu phụ trách đoàn tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay;

b) Không có hoặc có không đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay;

c) Không thông báo bằng phương tiện thông tin khác cho hành khách về nội quy đi tàu, hành trình của tàu, tên ga dừng, đỗ trên tuyến đường, cách xử lý tình huống khi xảy ra hỏa hoạn, sự cố trên tàu khách theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt đưa toa xe ra chờ khách mà không có đủ các thiết bị hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp quản lý, khai thác phương tiện giao thông đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng không có đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu (đối với loại phương tiện được quy định phải có các thiết bị này) hoặc có các thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định;

b) Không có thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc

- Điều 47 Luật Đường sắt
- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về trang thiết bị trên phương tiện giao thông đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt

giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu theo quy định hoặc có lắp thiết bị này nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu hàng về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ chèn tàu; tín hiệu cầm tay; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này buộc phải bổ sung đầy đủ theo quy định trên tàu khách về: thiết bị, dụng cụ, vật liệu chữa cháy; thuốc sơ, cấp cứu; dụng cụ thoát hiểm; dụng cụ chèn tàu; dụng cụ, vật liệu để sửa chữa đơn giản; tín hiệu cầm tay; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: đồng hồ báo tốc độ, thiết bị ghi tốc độ và các thông tin liên quan đến việc điều hành chạy tàu (hộp đen), thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu trên đầu máy, phương tiện động lực chuyên dùng; d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phải lắp đầy đủ theo đúng quy định hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của các thiết bị, gồm: thiết bị đo tốc độ tàu, thiết bị thông tin liên lạc giữa trưởng tàu và lái tàu tại vị trí làm việc của trưởng tàu.			
Điều 29. Xử phạt nhân viên đường sắt vi phạm quy định	- Điều 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về

về Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người lái tàu thực hiện hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường sắt mà không mang theo Giấy phép lái tàu hoặc sử dụng Giấy phép lái tàu quá hạn hoặc Giấy phép lái tàu không phù hợp với phương tiện điều khiển. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả hoặc không có Giấy phép lái tàu. 3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu bằng, chứng chỉ chuyên môn giả, Giấy phép lái tàu giả. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đình chỉ việc điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.	Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
Điều 30. Xử phạt nhân viên đường sắt (trừ lái tàu và phụ lái tàu) vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở. 2. Phạt từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.	- Khoản 7 Điều 6 Luật Đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về nồng độ cồn hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt.

3. Phạt từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ; c) Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất ma túy, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.			
Điều 31. Xử phạt nhân viên đường sắt vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Trưởng tàu để người đi, đứng, nằm, ngồi trên nóc toa xe, đu bám ngoài thành toa xe, đầu máy, chỗ nối hai đầu toa xe; b) Trưởng tàu hoặc lái tàu phụ trách đoàn tàu để người đi trên tàu hàng trái quy định; c) Trưởng tàu, nhân viên phục vụ hành khách để người bán hàng rong trên tàu, để người không có vé đi tàu, để người lên, xuống tàu khi tàu đang chạy; để hành lý, hàng hóa ở hai đầu toa xe, bậc lên xuống hai đầu toa xe khi tàu đang chạy, trừ trường hợp để hành lý, hàng hóa của hành khách chuẩn bị xuống tàu khi tàu vào ga có tác nghiệp dừng, đỗ; d) Nhân viên tuần đường, tuần cầu, tuần hầm không kiểm tra, phát hiện kịp thời những hư hỏng của hầm, cầu, đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt hoặc đã phát hiện mà không có biện pháp xử lý theo thẩm quyền, không báo cáo người có thẩm	- Điều 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về Giấy phép lái tàu, bằng, chứng chỉ chuyên môn trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

quyền giải quyết; đ) Nhân viên đường sắt không tuân thủ quy trình tác nghiệp. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này mà xảy ra tai nạn giao thông đường sắt. 3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải hướng dẫn người vi phạm về vị trí quy định.			
Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về số người được phép chở, tải trọng cho phép chở của phương tiện giao thông đường sắt, tải trọng cho phép khai thác của cầu đường 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện hành vi chuyên chở hành khách vượt quá số chỗ công bố, quy định được phép chở tại từng thời điểm của toa xe tính trên mỗi hành khách bị vượt nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 5% đến 40% b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng đến 10%; c) Không thực hiện việc công bố công khai phương án bán ghế phụ, chuyển đổi giường nằm thành ghế ngồi trong các	- Điều 47, Điều 52 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về số người được phép chở, tải trọng cho phép chở của phương tiện giao thông đường sắt, tải trọng cho phép khai thác của cầu đường trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt

dịp cao điểm theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 40% đến 100% b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng trên 10% đến 20%. 4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Vận chuyển hàng hóa trên mỗi toa xe vượt quá tải trọng cho phép chở của toa xe trên 100%; b) Đưa vào khai thác phương tiện giao thông đường sắt có tải trọng rải đều hoặc tải trọng trục của mỗi phương tiện vượt quá tải trọng cho phép của cầu đường được quy định trong Công lệnh tải trọng trên 20%. 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Quy định tại khoản 1 Điều này buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của toa xe. <i>b) Quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này buộc phải hạ tải trọng hàng hóa đã xếp lên toa xe theo quy định.</i>			
Điều 33. Xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục	- Điều 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt,	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định của lái tàu, phụ lái tàu, người

vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với phụ lái tàu không thực hiện đúng chế độ hô đáp, không giám sát tốc độ chạy tàu, không quan sát tín hiệu, biển báo, biển hiệu để báo cho lái tàu theo quy định. 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Rời vị trí lái máy khi đầu máy đang hoạt động; b) Chở người không có trách nhiệm hoặc chở hàng hóa trên đầu máy; c) Làm mất tác dụng của thiết bị cảnh báo để lái tàu tỉnh táo trong khi lái tàu; d) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của tín hiệu, biển hiệu, của người chỉ huy chạy tàu; đ) Không có hoặc có không đầy đủ cờ, đèn tín hiệu, pháo, chèn trên đầu máy khi lên ban theo quy định. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Dừng tàu không đúng quy định mà không có lý do chính đáng; b) Điều khiển tàu chạy vượt quá tín hiệu ngừng; c) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ đến 10 km/h. 4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ	vận tải đường sắt	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
---	---------------------------------	---	---

dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 10 km/h đến 20 km/h. 5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 20 km/h; b) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở. 6. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở. 7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở; b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn, chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ; c) Khi làm nhiệm vụ mà trong cơ thể có chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng. 8. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều			
---	--	--	--

này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 01 tháng đến 03 tháng; b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 03 tháng đến 05 tháng; c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 10 tháng đến 12 tháng; d) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái tàu từ 22 tháng đến 24 tháng. 9. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải đưa người, hàng hóa ra khỏi đầu máy.			
Điều 34. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt 1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho nhân viên đường sắt trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; b) Không tổ chức kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ định kỳ hàng năm đối với nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu theo quy định. 2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức sử dụng lao động thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Sử dụng nhân viên đường sắt không có bằng, chứng chỉ chuyên môn, Giấy phép lái tàu phù hợp theo quy định; b) Sử dụng nhân viên đường sắt không đủ tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định.	- Điều 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

Điều 35. Xử phạt cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt theo quy định; b) Không thực hiện đúng, đầy đủ quy chế tuyển sinh, nội dung, chương trình đào tạo, quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 3. Ngoài việc bị phạt tiền, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ tuyển sinh từ 01 tháng đến 03 tháng. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc thu hồi và tiêu hủy bằng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp trái phép.	- Điều 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác đồn, Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm theo quy định. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với	- Điều 47, 48 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác đồn, Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, niêm yết Bản trích lục Quy tắc quản lý kỹ thuật ga, trạm đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư

tổ chức được giao trực tiếp kinh doanh, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện việc xây dựng Quy tắc quản lý kỹ thuật ga; không xây dựng Quy trình chạy tàu và công tác dồn đường sắt; không xây dựng Quy trình khai thác sử dụng đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu khi sử dụng trên các đoàn tàu hàng theo quy định; b) Không thực hiện việc xây dựng Quy trình tác nghiệp của lái tàu và phụ lái tàu; không xây dựng mẫu sổ đăng ký phục vụ công tác chạy tàu và cấp cảnh báo; không quy định biện pháp chạy tàu tại điểm giao tiếp giữa đường sắt quốc gia với đường sắt chuyên dùng theo quy định.			của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt
Điều 37. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không bố trí người phụ trách bộ phận kỹ thuật an toàn giao thông vận tải đường sắt, người phụ trách bộ phận quản lý khai thác vận tải đường sắt hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định; b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không bố trí người phụ trách bộ phận chuyên môn kỹ thuật về điều hành giao thông vận tải đường sắt, người quản lý doanh nghiệp hoặc có bố trí nhưng không đủ điều kiện theo quy định; 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối	- Điều 49 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt

với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt, doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không có bộ phận kỹ thuật an toàn giao thông vận tải đường sắt; bộ phận quản lý khai thác vận tải đường sắt theo quy định; b) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt không có bộ phận chuyên môn kỹ thuật về điều hành giao thông vận tải đường sắt, bộ phận phụ trách công tác an toàn, bộ phận quản lý khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định;			
Điều 38. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp trực tiếp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Vận chuyển thi hài, hài cốt trái quy định; b) Vận chuyển động vật sống không đúng quy định; c) Không thực hiện việc niêm yết, công bố, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp hoặc niêm yết không đúng quy định về: Giờ tàu, giá vận tải hành khách, giá vận tải hàng lý, giá vận tải hàng hóa, các loại chi phí khác, kế hoạch bán vé, danh mục hàng hóa cấm vận chuyển bằng tàu khách, các quy định của doanh nghiệp về trách nhiệm phục vụ hành khách; d) Không thực hiện việc thông báo số chỗ còn lại cho hành khách đối với các tàu bán vé bằng hệ thống điện tử theo quy định.	- Điều 49 Luật Đường sắt - Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về kinh doanh vận tải đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt không thực hiện việc miễn, giảm giá vé hoặc thực hiện miễn, giảm giá vé không đúng quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện các nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; b) Không thực hiện đúng quy định về vận tải hàng siêu trường, siêu trọng; c) Không thực hiện đúng các quy định về xếp, dỡ, vận chuyển hàng nguy hiểm; d) Không bảo đảm các điều kiện sinh hoạt tối thiểu của hành khách trong trường hợp vận tải bị gián đoạn do tai nạn giao thông hoặc thiên tai, địch họa; đ) Không thực hiện đúng quy định về xếp hàng và gia cố hàng trên toa xe; e) Không bố trí đủ nhân viên công tác trên tàu theo quy định; g) Không xây dựng quy trình tác nghiệp đối với các chức danh nhân viên công tác trên tàu theo quy định. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này buộc phải đưa thi hài, hài cốt, động vật sống xuống tàu tại ga đến gần nhất để xử lý theo quy định; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này			
--	--	--	--

buộc phải thực hiện ngay nhiệm vụ vận tải đặc biệt, an sinh xã hội theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều này buộc phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.			
Điều 39. Xử phạt các hành vi vi phạm về sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định 1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi sử dụng vé tàu giả để đi tàu. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Nhân viên bán vé của nhà ga, nhân viên bán vé của đại lý bán vé tàu, nhân viên bán vé trên tàu bán vé tàu trái quy định; b) Mua, bán vé tàu nhằm mục đích thu lợi bất chính. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Vận chuyển vé tàu giả; b) Bán vé tàu giả; c) Tàng trữ vé tàu giả. 4. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này bị tịch thu vé tàu giả; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này bị tịch thu toàn bộ số vé tàu hiện có;	- Điều 49 Luật Đường sắt - Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định về sử dụng vé tàu giả và bán vé tàu trái quy định trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này bị tịch thu toàn bộ vé tàu giả. 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.			
Điều 40. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt 1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Bán hàng rong trên tàu, dưới ga; b) Không chấp hành nội quy đi tàu; c) Ném đất, đá hoặc vật khác từ trên tàu xuống. 2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Gây mất trật tự, an toàn trên tàu, dưới ga; b) Đổ, để rác thải sinh hoạt lên phương tiện giao thông đường sắt; c) Mang theo động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu; d) Mang chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm vào ga, lên tàu trái quy định; đ) Mang theo động vật sống lên tàu trái quy định; e) Mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt đô thị; mang thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt quốc gia trái quy định. 3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi ném gạch, đất, đá, cát hoặc các vật thể khác vào tàu.	- Khoản 1 Điều 6, Điều 51, 55 Luật Đường sắt	Nội dung này đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Đường sắt	Giữ nguyên các hành vi vi phạm quy định khác có liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường sắt trong dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đường sắt; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý, khai thác vận tải đường sắt

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi đe dọa, xâm phạm sức khỏe của hành khách, nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ. 5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều này còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc đưa động vật có dịch bệnh, thi hài, hài cốt, chất dễ cháy, dễ nổ, vũ khí, hàng nguy hiểm, động vật sống xuống tàu (tại ga đến gần nhất trong trường hợp tàu đang chạy), ra ga để xử lý theo quy định.			
Phân định thẩm quyền xử phạt (Điều 41, 42, 43, 44) Phân định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Cảnh sát giao thông; Cảnh sát cơ động; Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Tư lệnh Cảnh sát cơ động; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ Xây dựng trong thời hạn kiểm tra; Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam thành lập	- Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; - Điều 6 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP) ; - Khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2025; - Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt - Nghị định số 189/2024/NĐ-CP.	Nội dung dự thảo Nghị định về phân định thẩm quyền đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Luật Đường sắt, Nghị định quy định chi tiết một số điều hướng dẫn thi hành Luật Đường sắt, Nghị định số 189/2024/NĐ-CP.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để việc phân định thẩm quyền xử phạt đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về đường sắt.
Điều 45. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả 1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đường sắt thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. 2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những chức	- Điều 4, 28, 52 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 88/2025/QH15); - Khoản 5 Điều 4 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP và Nghị định 190/2025/NĐ-CP)	Nội dung dự thảo Nghị định về phân định thẩm quyền đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 88/2025/QH15) hiện hành.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về đường sắt.

đanh được quy định tại các Điều 42, Điều 43, Điều 44 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân. 3. Đối với những hành vi vi phạm có quy định áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn thì chức danh nào có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi đó cũng có quyền xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép đối với người vi phạm.			
Điều 46. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt bao gồm: 1. Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường sắt được quy định tại các Điều 42, Điều 43, Điều 44 của Nghị định này. 2. Công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý đường sắt đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.	- Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Luật số 88/2025/QH15); - Điều 6, Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 68/2025/NĐ-CP).	Nội dung dự thảo Nghị định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
Điều 47. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả 1. Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt thực hiện theo quy định tại Chương III Phần thứ hai Luật Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Nghị định này. 2. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ mà cơ quan chức năng chưa dừng ngay được	- Điều 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15).	Nội dung dự thảo Nghị định về thủ tục xử phạt đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

phương tiện để xử lý thì thực hiện như sau: a) Cơ quan chức năng gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở cơ quan, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để giải quyết vụ việc vi phạm. Việc thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng phương thức điện tử. b) Chủ phương tiện có nghĩa vụ phải hợp tác với cơ quan chức năng để xác định người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm. Trường hợp chủ phương tiện là cá nhân, nếu không hợp tác với cơ quan chức năng, không chứng minh hoặc không giải trình được mình không phải là người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm thì bị xử phạt đối với hành vi vi phạm được phát hiện, trừ trường hợp phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép; Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, nếu không hợp tác với cơ quan chức năng, không giải trình để xác định được người đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm được phát hiện, trừ trường hợp phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép; c) Việc chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm			
---	--	--	--

hành chính.

3. Trường hợp quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm được ghi trong biên bản vi phạm hành chính hoặc trong thông báo của người có thẩm quyền xử phạt hoặc quá thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà chủ phương tiện vi phạm, người vi phạm chưa thực hiện giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định hoặc chưa chấp hành quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt gửi thông báo cho cơ quan đăng kiểm (đối với phương tiện có quy định phải kiểm định). Việc gửi thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng phương thức điện tử.

a) Trường hợp khi tra cứu dữ liệu theo quy định tại nếu có thông tin về phương tiện vi phạm, người vi phạm thì chưa giải quyết việc đăng kiểm đối với người vi phạm;

b) Sau khi chủ phương tiện, người vi phạm đã giải quyết vụ việc vi phạm theo quy định, người có thẩm quyền xử phạt phải gửi thông báo ngay cho cơ quan đăng kiểm bằng văn bản hoặc theo hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu khi đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin để thực hiện việc đăng kiểm theo quy định.

4. Việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép và các biểu mẫu khác trong xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và có thể gửi cho người vi phạm theo tài khoản đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

7. Trong trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp thì việc xác định số lợi bất hợp pháp được thực hiện như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm

hành chính quy định tại Điều 32 được tính bằng số tiền thu được từ việc thu tiền trở quá số người, quá tải trọng hàng hoá đã được cơ quan thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản; b) Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 39 được tính bằng số tiền thu được 8. Tổ chức, cá nhân vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả. 9. Trường hợp tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, không tự nguyện hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả thì bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.			
Điều 48. Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong lĩnh vực đường sắt 1. Giấy phép trong lĩnh vực đường sắt gồm: a) Giấy phép lái tàu; b) Giấy phép xây dựng. 2. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực đường sắt như sau: a) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt đã tạm giữ được giấy phép của cá nhân, tổ chức vi phạm thì thời điểm bắt đầu tính thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép là thời điểm quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi	- Khoản 1 Điều 21; Điều 25 Luật Xử lý vi phạm hành chính; - Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, Điều 5; khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 9 Nghị định 118/2021/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1; điểm b, c khoản 1 Điều 2 Nghị định 168/2025/NĐ-CP; - Điều 9 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP).	Nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

hành; b) Trường hợp tại thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền xử phạt chưa tạm giữ được giấy phép của cá nhân, tổ chức vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với hành vi vi phạm. Trong nội dung quyết định xử phạt phải ghi rõ thời điểm bắt đầu tính hiệu lực thi hành của hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép là kể từ thời điểm mà người vi phạm xuất trình giấy phép cho người có thẩm quyền xử phạt tạm giữ; c) Khi tạm giữ giấy phép trong hoạt động đường sắt bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm b khoản này và khi trả giấy phép bị tước quyền sử dụng theo quy định tại điểm a, b khoản này, người có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản và lưu hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. 3. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực đường sắt, nếu cá nhân, tổ chức vẫn tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép trong lĩnh vực đường sắt thì bị xử phạt như hành vi không có giấy phép trong lĩnh vực đường sắt. 4. Trường hợp người có hành vi vi phạm bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực đường sắt nhưng thời hạn sử dụng còn lại của giấy phép trong lĩnh vực đường sắt đó ít hơn thời hạn bị tước thì người có thẩm quyền vẫn ra quyết định xử phạt có áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực đường sắt theo quy định đối với hành vi vi phạm. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép trong lĩnh vực đường sắt, cá nhân, tổ chức không được làm thủ tục cấp đổi, cấp mới giấy phép.			
--	--	--	--

Điều 49. Tạm giữ giấy tờ liên quan đến người điều khiển phương tiện và phương tiện vi phạm

1. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính người có thẩm quyền xử phạt có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại điểm c khoản 1; khoản 2; khoản 6; khoản 7; khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với trường hợp tại thời điểm kiểm tra, người điều khiển phương tiện không xuất trình được một, một số hoặc tất cả các giấy tờ (giấy phép lái tàu, chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt hoặc bản sao chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt có chứng thực; giấy phép điều khiển phương tiện đường bộ khi vi phạm quy định tại Điều 14) theo quy định thì xử lý như sau:

a) Người có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với người điều khiển phương tiện về hành vi không có giấy tờ (tương ứng với những loại giấy tờ không xuất trình được), đồng thời lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện về những hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 14, Điều 33 Nghị định này và tạm giữ phương tiện, giấy tờ theo quy định;

b) Trong thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được các giấy tờ theo quy định thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ đối với người điều khiển phương tiện và không xử phạt đối với chủ phương tiện.

c) Quá thời hạn hẹn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi

- Khoản 3 Điều 119, điểm a, điểm c khoản 1; khoản 2; khoản 6; khoản 7; khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Điều 9 Nghị định 118/2021/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP).

Nội dung dự thảo Nghị định đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm mới xuất trình được hoặc không xuất trình được giấy tờ theo quy định thì phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định đối với các hành vi vi phạm đã ghi trong biên bản vi phạm hành chính.			
--	--	--	--

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 2. Đối tượng bị xử phạt 1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đường sắt trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: a) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; b) Đơn vị sự nghiệp công lập; c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; d) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện); đ) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; e) Cơ quan, tổ chức nước ngoài được cấp có thẩm quyền của Việt Nam cho phép hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Nước Cộng	- Điều 31 Công ước Viên về quan hệ Ngoại giao năm 1961; - Điều 43 Công ước Viên về Quan hệ Lãnh sự 1963.	Dự thảo Nghị định tương thích với quy định của Công ước Viên về đối tượng áp dụng .	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác; g) Các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật. 3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm. 4. Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.			
Xử phạt người điều khiển xe ô tô, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải vi phạm quy định về vận tải đường bộ 1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không mặc đồng phục, không đeo thẻ tên của lái xe theo đúng mẫu đơn vị kinh doanh vận tải đã quy định. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển xe taxi không có đồng hồ tính tiền cước (đối với loại xe đăng ký sử dụng đồng hồ tính tiền) hoặc có nhưng không đúng quy định hoặc có nhưng không sử dụng đồng hồ để tính tiền cước theo yêu cầu của hành khách hoặc can thiệp để điều chỉnh tiền cước hiển thị trên đồng hồ; b) Điều khiển xe taxi sử dụng phần mềm tính tiền mà trên xe không có thiết bị để kết nối trực tiếp với hành khách theo quy định; c) Điều khiển xe taxi không sử dụng phần mềm tính tiền (đối với loại xe đăng ký sử dụng phần mềm tính tiền) hoặc sử dụng phần mềm tính tiền không bảo đảm các yêu cầu theo quy định; d) Điều khiển xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố	– Điều 7, 12 Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia – Điều 22, 23, 26, 27 Nghị định thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; – Khoản 1 Điều 5; Điều 3 Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt	Dự thảo Nghị định tương thích với quy định Hiệp định Vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1994).	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

định thu tiền vé cao hơn giá vé đã kê khai và niêm yết theo quy định. 3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.	Nam và Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1994).		
Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không thanh toán tiền vé cho hành khách đã mua vé nhưng từ chối chuyển đi trước khi xe khởi hành theo quy định đối với tuyến cố định; b) Không thực hiện đúng quy định về dán, thu hồi phù hiệu; c) Không bố trí nhân sự thực hiện theo dõi, giám sát hoạt động của lái xe, phương tiện trong suốt quá trình tham gia kinh doanh vận tải theo quy định; d) Tiếp nhận, vận chuyển hàng hoá ký gửi không đúng quy định; đ) Không niêm yết công khai nội quy, giá dịch vụ tại bãi đỗ xe, tên và số điện thoại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; e) Không thực hiện việc miễn giảm giá vé đối với người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác theo quy định; g) Không có hợp đồng đại lý bán vé với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, đơn vị kinh doanh vận tải theo tuyến cố định theo quy định. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Sử dụng xe ô tô chở người từ 08 chỗ (không kể chỗ của người	– Điểm b khoản 5 Điều 1; Điều 4, 6, 12 Hiệp định Vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia; – Điều 9, 15, 18 Nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.	Dự thảo Nghị định tương thích với quy định Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

lái xe) trở lên hoặc xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; b) Sử dụng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để tham gia kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ mà không ký hợp đồng lao động theo quy định; c) Không bố trí người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải hoặc có bố trí nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định; d) Sử dụng phương tiện thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã để kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ mà không có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã theo quy định hoặc sử dụng phương tiện không thuộc quyền sử dụng hợp pháp để kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ; đ) Bến xe không xác nhận hoặc xác nhận không chính xác, đầy đủ các thông tin trong Lệnh vận chuyển theo quy định hoặc xác nhận vào Lệnh vận chuyển khi xe không có ở bến; e) Bến xe cho phương tiện xuất bến không đúng thời gian biểu đồ chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến công bố; g) Không thực hiện chế độ báo cáo hoạt động kinh doanh vận tải của đơn vị theo quy định; h) Không xây dựng hoặc không thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an toàn giao thông theo quy định; i) Bến xe không kê khai, công bố thông tin về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe theo quy định của pháp luật về giá; k) Không thực hiện việc kê khai giá dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ, dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi theo quy định; l) Không thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải theo quy định; m) Bến xe khách không ký hợp đồng với các đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định; n) Không thông báo phương thức tính tiền sử dụng trên xe taxi			
---	--	--	--

theo quy định.

3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện công bố bến xe hàng, trạm dừng nghỉ không đúng quy định; không thực hiện thủ tục công bố lại bến xe khách, bến xe hàng, trạm dừng nghỉ theo quy định;

b) Không có bộ phận quản lý an toàn theo quy định hoặc có nhưng bộ phận này không thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định;

c) Không lưu trữ đầy đủ theo quy định các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động vận tải của đơn vị; không có hệ thống lưu trữ hoặc có nhưng không lưu trữ đầy đủ các khiếu nại của khách hàng theo quy định;

d) Không lập hoặc có lập nhưng không cập nhật đầy đủ, chính xác lý lịch phương tiện, lý lịch hành nghề của lái xe theo quy định;

đ) Sử dụng xe taxi chở hành khách không lắp đồng hồ tính tiền (đối với loại xe đăng ký sử dụng đồng hồ tính tiền) hoặc lắp đồng hồ tính tiền không đúng quy định; không có thiết bị in hóa đơn (phiếu thu tiền) được kết nối với đồng hồ tính tiền theo quy định hoặc có nhưng không sử dụng được hoặc in ra phiếu thu tiền nhưng không có đầy đủ các thông tin theo quy định;

e) Sử dụng xe taxi chở hành khách mà trên xe không có thiết bị để kết nối trực tiếp với hành khách theo quy định (đối với loại xe đăng ký sử dụng phần mềm tính tiền) hoặc sử dụng phần mềm tính tiền không bảo đảm các yêu cầu theo quy định;

g) Không thực hiện đúng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải đã công bố;

h) Không thực hiện đúng giá dịch vụ xe ra, vào bến xe đã kê khai, công bố;

i) Không thực hiện đúng giá dịch vụ vận tải hành khách tuyến

cố định, dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi đã kê khai, công bố, trừ hành vi vi phạm tại điểm k khoản này; k) Không mua bảo hiểm cho hành khách theo quy định; l) Sử dụng xe ô tô chở khách có giường nằm hai tầng để hoạt động trên các tuyến đường cấp V và cấp VI miền núi. 4. Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 24.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ mà không có Giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định, trừ hành vi quy định tại điểm i khoản này; b) Thực hiện không đúng hình thức kinh doanh đã đăng ký trong Giấy phép kinh doanh vận tải; c) Thành lập, tổ chức điểm giao dịch đón, trả khách, bốc dỡ hàng hoá trái phép; d) Không xây dựng quy trình đảm bảo an toàn giao thông cho xe ra, vào bến hoặc có xây dựng nhưng thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình đảm bảo an toàn giao thông cho xe ra, vào bến; không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, chính xác các thông tin tại bến xe theo quy định; đ) Không thực hiện việc cung cấp các thông tin trên Lệnh vận chuyển của từng chuyến xe buýt, xe chạy tuyến cố định theo quy định; e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng quy định về quản lý, áp dụng thông tin từ phần mềm quản lý bến xe khách; g) Sử dụng hợp đồng điện tử không có giao diện phần mềm cung cấp cho hành khách hoặc người thuê vận tải theo quy định hoặc có nhưng giao diện không bảo đảm các yêu cầu theo quy định; h) Để tổ chức, cá nhân không có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ điều hành phương tiện và lái xe hoặc quyết định giá cước để vận tải;			
--	--	--	--

i) Trục tiếp điều hành phương tiện, lái xe hoặc quyết định giá cước vận tải nhưng không có giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định; k) Không thực hiện lưu trữ hoặc lưu trữ không đúng quy định; l) Phần mềm không ghi nhận được đánh giá của khách hàng về chất lượng phục vụ của lái xe hoặc có ghi nhận nhưng không gửi thông tin đến đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định; m) Không gửi hóa đơn điện tử, không gửi nội dung tối thiểu của hợp đồng điện tử theo quy định. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải thực hiện một trong các hành vi sau: a) Đơn vị cung cấp phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải không thực hiện đúng quy định về cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải, trừ hành vi vi phạm tại điểm e khoản này ; b) Đơn vị cung cấp phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải không cung cấp cho cơ quan quản lý danh sách các đơn vị kinh doanh vận tải, xe ô tô và lái xe của các đơn vị vận tải hợp tác với đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải hoặc không cung cấp tài khoản truy cập vào phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho cơ quan quản lý khi có yêu cầu hoặc không thực hiện lưu trữ theo quy định. c) Tự ý điều chỉnh giá cước vận tải đã niêm yết hoặc giá trị hợp đồng đã ký kết trên phần mềm; d) Cho phép đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng sử dụng phần mềm để xác nhận đặt chỗ cho từng hành khách đi xe, bán vé hoặc thu tiền đối với từng hành khách trái quy định. đ) Không cung cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải giao diện và công cụ để thực hiện được việc trục tiếp điều hành phương tiện và lái xe, đàm phán, quyết định giá cước vận tải với hành khách và người thuê vận tải trên phần mềm; e) Phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải để lái xe phải thực			
---	--	--	--

hiện nhiều thao tác nhận chuyển xe khi xe đang di chuyển; 6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây: a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm d, điểm o khoản 2; điểm đ khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng phù hiệu từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có hoặc đã được cấp) đối với xe vi phạm; b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 2; điểm b khoản 3; điểm b, điểm h khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh vận tải từ 01 tháng đến 03 tháng. 7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm tại điểm h, điểm i khoản 3 Điều này buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (trường hợp thu tiền cao hơn giá đã kê khai, niêm yết, công bố) có được do thực hiện hành vi vi phạm.			
Xử phạt nhân viên phục vụ trên xe buýt, xe vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng 1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Không bố trí chỗ ngồi ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ mang thai, không hướng dẫn hành khách ngồi đúng nơi quy định; b) Không mặc đồng phục, không đeo thẻ tên của nhân viên phục vụ trên xe theo quy định. 2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện hành vi: thu tiền vé nhưng không trao vé cho hành khách (vé giấy hoặc vé điện tử); thu tiền vé cao hơn quy định. 3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với nhân viên phục vụ trên xe vận chuyển hành khách theo tuyến cố định thực hiện hành vi: thu tiền vé nhưng không trao vé cho hành khách (vé giấy hoặc vé điện tử); thu tiền vé cao hơn	Điều 12 Hiệp định Vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia. Khoản 1 Điều 5; Điều 3 Hiệp định vận tải đường bộ giữa chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1994).	Dự thảo Nghị định tương thích với quy định Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, Hiệp định vận tải đường bộ giữa chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1994).	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

quy định. 4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp (trường hợp thu tiền vé cao hơn quy định) có được do thực hiện vi phạm hành chính			
Xử phạt hành vi vi phạm về dịch vụ cho thuê phương tiện 1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ cho thuê phương tiện không ký kết hợp đồng cho thuê phương tiện để tự lái với người thuê. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ cho thuê phương tiện thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Bố trí lái xe cho người thuê phương tiện để tự lái; b) Cho thuê phương tiện khi người thuê phương tiện để tự lái không có giấy phép lái xe đang còn hiệu lực, còn hiệu lực phù hợp với loại xe cho thuê; c) Không ký kết hợp đồng cho thuê phương tiện không kèm người lái xe với bên thuê để kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, vận tải nội bộ.	Khoản 1 Điều 12 Hiệp định Vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia. Khoản 1 Điều 5; Điều 3 Hiệp định vận tải đường bộ giữa chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước cộng hoà nhân dân Trung hoa (1994).	Dự thảo Nghị định tương thích với quy định Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo Nghị định.